

Bản án số: **412 /2022/HNGĐ-ST**

Ngày : 10/06/2022

*V/v: Không công nhận
quan hệ mẹ con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hà và ông Phùng Ngọc Toàn

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thu Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 06 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 309/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/05/2021 về việc “Yêu cầu xác định quan hệ cha, mẹ cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: 1. Ông **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1953. Hộ khẩu thường trú tại: Tổ 9 phường TT, quận HA, thành phố Hải Phòng.

2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1956. Hộ khẩu thường trú tại: Tổ 7 phường TT, quận HA, thành phố Hải Phòng.

3. Bà **Nguyễn Thị Ngọc V**, sinh năm 1958. Hộ khẩu thường trú tại: Xóm 7 thôn KH, xã VC, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Hiện ở tại: Số nhà 11 ngõ 46 QN, tổ 1, phường TH, quận CG, thành phố Hà Nội.

Ông H, bà L và bà V ủy quyền cho: Bà **Đinh Thị N1** và ông **Nguyễn Văn T1**. Địa chỉ: Phòng 1202, sảnh B, tòa nhà L, số 164 KDT, phường NC, quận TX, thành phố Hà Nội. (theo Giấy ủy quyền ngày 25/05/2021 tại Văn phòng Công chứng VTT). (Có mặt)

* **Bị đơn**: Bà **Triệu Thị Thanh T**, sinh năm 1972. Có hộ khẩu thường trú và ở tại: Số 35 ngõ 5 LH, phường TC, quận BĐ, thành phố Hà Nội. (Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bà T ủy quyền cho ông **Vũ Hoàng Nhật T2**, sinh năm 1995 theo Số công chứng 3141 Quyền số 09/2021 TP/CC-SCC/HĐGD. (ông T2 có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: 1. Ông **Hoàng Văn H1** – Luật sư; 2. Bà **Nguyễn Thị Y** – Luật sư; 3. Bà **Hoàng Thị D** – Luật sư. Thuộc văn phòng Luật sư HH – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: P202, Tòa nhà N đường LVL, phường NC, quận TX, thành phố Hà Nội. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 05 năm 2021, tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Bà Đinh Thị N1 trình bày như sau:

Ông Nguyễn G, ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị Ngọc V là các anh chị em ruột trong một gia đình.

Năm 1999, ông G đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thu H1 tại UBND phường DX, quận HK, thành phố Hà Nội. Đến năm 2010, ông G và bà H1 đã ly hôn theo Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 24/2010/HNGĐ-PT ngày 05/03/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Trong bản án này đã xác định ông G không có con chung. Kể từ sau thời điểm ly hôn với bà H1 cho tới khi qua đời, ông G không có đăng ký kết hôn với ai.

Năm 2014, ông G đã xác định được bản thân có một người con trai là cháu Nguyễn Như Thiện N, sinh ngày 04/12/2014 tại Bệnh viện Quốc tế G. Tại thời điểm cháu N được sinh ra, ông G không đăng ký kết hôn với ai, vì muốn tiến hành đăng ký khai sinh cho cháu N, ông G đã nhờ bà Triệu Thị Thanh T tiến hành đứng tên trên các giấy tờ hồ sơ như sổ khám thai, hồ sơ sinh nở, giấy chứng sinh tại Bệnh viện Quốc tế G, làm cơ sở để thực hiện việc đăng ký và đứng tên là mẹ cho cháu Nguyễn Như Thiện N trên giấy khai sinh. Ngày 26/05/2015, cháu N đã được UBND phường TC, quận BD, thành phố Hà Nội cấp Giấy khai sinh số 177/2015, quyển số 01/2015. Cũng trong ngày 26/05/2015, UBND phường TC đã ký quyết định số 88/QĐ-UBND công nhận ông G là cha của cháu N.

Khi cháu N được bốn ngày tuổi thì ông G đón cháu N về nhà cùng với em gái là bà V trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu N cho đến thời điểm hiện tại.

Ngày 09/02/2021, ông Nguyễn G đột ngột qua đời, không để lại di chúc, không chỉ định ai là người giám hộ cho cháu N đến khi cháu N trưởng thành. Ngày 30/03/2021, gia đình ông Nguyễn G và bà Triệu Thị Thanh T đã họp gia đình và thống nhất quan điểm rằng việc nuôi dưỡng cháu N cần phải có người có quan hệ ruột thịt trong gia đình đứng ra làm người giám hộ, chăm sóc, trông nom để đảm bảo cho sự phát triển của cháu N, buổi họp này đã được lập thành biên bản họp gia đình và có xác nhận của tổ dân phố và chính quyền địa phương. Trong biên bản họp gia đình đã đề xuất cử bà Nguyễn Thị Ngọc V làm người giám hộ cho cháu N vì bà V đã cùng ông G chăm lo cho cháu N từ khi sinh ra và tới thời điểm hiện tại cháu N vẫn đang do bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại cuộc họp, bà Triệu Thị Thanh T cũng thừa nhận việc bà T không đăng ký kết hôn với ông Nguyễn G và không phải là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Như Thiện N, bà T chỉ được ông G nhờ đứng tên là mẹ cháu N trên giấy khai sinh và tiến hành các giấy tờ để hợp pháp hóa việc đứng tên là mẹ đẻ cho cháu N. Tuy nhiên, bà Thủy lại không đồng ý với việc cử ai làm người giám hộ cho cháu N.

Thực tế bà T không phải là người mẹ sinh ra cháu N và cũng không có đăng ký kết hôn với ông G. Tất cả những việc này là vì tình cảm giữa ông G và bà T. Thời điểm đó, bà T không mang thai và cũng không sinh con trên thực tế. Bà T đã dọn ra ngoài ở từ tháng 6/2020, để mặc cháu N cho ông G và bà V chăm sóc. Đến nay khi ông G mất đi, cháu N cần có người giám hộ để được hưởng đầy đủ các chế độ xã hội và các quyền lợi hợp pháp khác thì bà T lại mượn có là người đứng tên mẹ của cháu N trên giấy khai sinh để ngăn cản các em của ông G cử người giám hộ cho cháu N. Tuy nhiên, bà T không hề nghĩ đến quyền lợi của cháu N, cố tình gây khó dễ, không từ bỏ việc đứng tên mẹ cháu N trên giấy khai sinh. Điều này khiến các quyền lợi hợp pháp của cháu N đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Thứ nhất, việc bà T đứng tên mẹ trên giấy khai sinh cho cháu N chỉ mang tính hình thức, trên thực tế bà T không phải là người sinh ra cháu N mà chỉ là người được ông G nhờ đứng tên mẹ cho cháu N trên giấy khai sinh nên bà T không phải là mẹ đẻ hay mẹ nuôi của cháu N theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, bà T và ông G không có đăng ký kết hôn, bà T không có tên trong sổ hộ khẩu của ông G và giữa hai người cũng không có quan hệ hôn nhân được pháp luật thừa nhận. Như vậy, theo quy định của pháp luật, bà T không có quan hệ thân nhân với ông Nguyễn G nên bà T không có quyền đứng ra kê khai cho cháu N được nhận các chế độ mà cháu N được hưởng sau khi ông G chết đi. Việc bà T tiếp tục đứng tên trên giấy khai sinh cho cháu N sẽ khiến gia đình không thể tiến hành đăng ký khai nhận các chế độ trợ cấp mà cháu được hưởng theo quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng tới quyền lợi hợp pháp của cháu N.

Thứ ba, thời điểm ông G còn sống, bà T đã dọn ra ngoài ở, để mặc cháu N cho ông G và bà V chăm sóc, đến nay, khi ông G mất đi, cháu N cần có người giám hộ để được hưởng đầy đủ các chế độ xã hội và các quyền lợi hợp pháp khác thì bà T lại mượn có là người đứng tên mẹ của cháu N trên giấy khai sinh để ngăn cản gia đình cử người giám hộ cho cháu N. Mặc dù gia đình đã giải thích cho bà T biết việc bà T tiếp tục đứng tên mẹ trên giấy khai sinh của cháu N sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của cháu N nhưng bà T vẫn cố tình gây khó dễ khiến anh chị em nghi ngờ bà T có động cơ không tốt và sẽ xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của cháu N.

Vì vậy, để đảm bảo cháu Nguyễn Như Thiện N được trợ cấp đầy đủ các chế độ và được hưởng toàn bộ di sản thừa kế của ông Nguyễn G để lại, Nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Ba Đình giải quyết các yêu cầu sau đây:

1. Xác định bà Triệu Thị Thanh T không có quan hệ mẹ - con với cháu Nguyễn Như Thiện N; Tuyên bố bà Triệu Thị Thanh T không phải là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Như Thiện N.

2. Yêu cầu cơ quan chức năng có thẩm quyền thực hiện việc cải chính thông tin trên Giấy khai sinh số 177/2015, quyển số 01/2015, do UBND phường TC cấp ngày 26/05/2015 cho cháu Nguyễn Như Thiện N, cụ thể: xóa thông tin bà Triệu Thị Thanh T trong giấy khai sinh này. Để từ đó, gia đình có thể cử người giám hộ cho cháu Nguyễn Như Thiện N, bảo đảm cháu N được hưởng đầy đủ quyền lợi hợp pháp mà cháu xứng đáng được hưởng.

*** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn bà Triệu Thị Thanh T trình bày:**

Bà và ông G tự nguyện lấy nhau trong hoàn cảnh bà đã ly hôn chồng và ông G cũng ly hôn vợ lần thứ hai. Ông bà chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức ăn hỏi, làm đám cưới vào tháng 7/2010 có mặt của họ hàng, bạn bè chứng kiến và ông G đưa bà về chung sống tại nhà của ông G ở số 11 ngõ 46 QN, quận CG, thành phố Hà Nội cùng với mẹ đẻ ông G và em gái ông G là cô V.

Từ khi nhận cháu N làm con, bà và ông G cùng chăm sóc cháu. Đến tháng 5 năm 2020 do mâu thuẫn với cô V, sau đó bà có nói với ông G nhưng ông bà không thống nhất được nên bà đã về nhà ngoại ở. Khi về ông G có nói với bà để hai vợ chồng cùng chăm sóc giáo dục cháu N chứ không cần ai khác nhưng khi đó bà đang giận dữ nên bà không về. Trong thời gian này, bà vẫn là người nộp tiền học vào tài khoản của nhà trường cho cháu N (ông G đóng tiền học phí còn bà

đóng tiền xe). Khi ông G mất, bà có mặt nhưng ông G không dặn dò gì. Mọi thủ tục ma chay của ông G bà đều có mặt mặc dù gia đình ông G không có ý kiến trao đổi hay bàn bạc gì với bà. Bà khẳng định cháu N là con đẻ của ông G, do ông bà thống nhất nhận nuôi cháu N và bà là mẹ của cháu N, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định bà không có quan hệ mẹ con với cháu N là chà đạp đạo lý làm người, không tôn trọng ý nguyện của ông G. Việc ông G với bà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn không ảnh hưởng đến quyền của cha mẹ đối với con, về pháp luật ông G và bà là cha mẹ của cháu N, ông G khi còn sống không có yêu cầu đề nghị Tòa án xác định mẹ cho cháu N mà vẫn mong muốn bà cố đi thật lâu với con, sau này con sẽ thay bố báo đáp. Bà không thuộc trường hợp bị hạn chế quyền của mẹ đối con chưa thành niên. Bà vẫn là mẹ hợp pháp của cháu N. Bà thấy rằng các Nguyên đơn trong vụ án này không có quyền đề nghị Tòa án xác định cha mẹ cho con vì ông G và bà là cha mẹ hợp pháp đều không có yêu cầu. Nếu ông G trước khi chết có để lại di chúc hợp pháp thì bà thuận theo di chúc của ông G, nếu ông G không có di chúc thì bà thực hiện theo pháp luật.

Tại phiên tòa:

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án xem xét đối với chứng cứ là bản Kết quả xét nghiệm ADN số 22663GL/ADN ngày 26/5/2022 của Viện Công nghệ ADN và phân tích di truyền do bà T xuất trình cho Toà án; đây là chứng cứ pháp lý chứng minh về việc không có huyết thống giữa bà Triệu Thị Thanh T và cháu Nguyễn Như Thiện N, phù hợp với ý kiến bà T khẳng định cháu N là con đẻ của ông G, thừa nhận bà không mang thai, không sinh cháu N và không phải mẹ đẻ của cháu N. Tại biên bản làm việc ngày 26/05/2022 giữa đại diện Nguyên đơn và bị đơn tại trụ sở TAND quận Ba Đình, tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/05/2022 và căn cứ Đơn đề nghị ngày 27/05/2022 của Bà T đã ghi nhận nội dung: Bị đơn chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của Nguyên đơn và tự nguyện rút tên của mình tại mục thông tin của người mẹ trên Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân phường TC cấp. Đề nghị HĐXX ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận việc giải quyết được toàn bộ vấn đề của vụ án. Cụ thể:

1. Xác định bà Triệu Thị Thanh T không có quan hệ mẹ - con với cháu Nguyễn Như Thiện N, sinh ngày 04/12/2014; trú tại số nhà 11, ngõ 46 QN, phường TH, quận CG, thành phố Hà Nội; Tuyên bố bà Triệu Thị Thanh T không phải là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Như Thiện N.

2. Yêu cầu cơ quan chức năng có thẩm quyền thực hiện việc cải chính thông tin trên Giấy khai sinh số 177/2015, quyển số 01/2015, do UBND phường TC cấp ngày 26/05/2015 cho cháu Nguyễn Như Thiện N, cụ thể: xóa thông tin bà Triệu Thị Thanh T trong giấy khai sinh này.

3. Đề nghị HĐXX giao cháu N cho bà Nguyễn Thị Ngọc V chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

4. Ông H, bà L đã có văn bản cử bà Nguyễn Thị Ngọc V làm người giám hộ đối với cháu N. Đề nghị HĐXX chỉ định bà Nguyễn Thị Ngọc V là người giám hộ cho cháu Nguyễn Như Thiện N, để bảo đảm quyền và lợi hợp pháp cho cháu.

* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông T1 trình bày: Tại Toà án ngày 27/05/2002, bà T đã có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và nộp cho Toà án Kết quả xét nghiệm ADN (bản gốc) số 22663GL/ADN ngày 26/05/2022 của Viện

Công nghệ AND và phân tích di truyền, giữa bà và cháu Nguyễn Như Thiện N. Bà T đã đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và chấp nhận mọi yêu cầu theo đơn khởi kiện của Nguyên đơn, tự nguyện rút tên ra khỏi Giấy khai sinh số 177/2015, quyển số 01/2015, do UBND phường TC cấp ngày 26/05/2015 cho cháu Nguyễn Như Thiện N; nên đề nghị HĐXX ghi nhận. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, đề nghị gia đình ông Nguyễn G tạo điều kiện cho bà T được quyền thăm gặp, chăm sóc cháu N.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ áp dụng pháp luật để xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Xác định bà Triệu Thị Thanh T không có quan hệ mẹ - con với cháu Nguyễn Như Thiện N; Tuyên bố bà Triệu Thị Thanh T không phải là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Như Thiện N. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cử bà Nguyễn Thị Ngọc V là người giám hộ cho cháu Nguyễn Như Thiện N, sinh ngày 04/12/2014 và giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N trưởng thành (tròn 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Bà V có trách nhiệm đến Ủy ban nhân dân phường TC và các cơ quan chức năng thực hiện việc cải chính thông tin trên Giấy khai sinh số 177/2015, quyển số 01/2015, do UBND phường TC cấp ngày 26/05/2015 cho cháu Nguyễn Như Thiện N.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTƯQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các đương sự được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định “bà Triệu Thị Thanh T không có quan hệ mẹ - con với cháu Nguyễn Như Thiện N”. Căn cứ vào khoản 4 Điều 28, khoản 10 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn - bà Triệu Thị Thanh T có hộ khẩu thường trú tại số 35 ngõ 5 LH, phường TC, quận BD, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình về việc “xác định không công nhận quan hệ mẹ con” là đúng thẩm quyền.

[II]. Về thủ tục tố tụng:

[1] Bố mẹ của ông Nguyễn G là cụ Nguyễn Như Đ (mất ngày 08/10/1999) và cụ Bùi Thị K (mất ngày 27/08/2018), hai cụ có 04 người con chung gồm: Ông

Nguyễn G, sinh năm 1950 (mất ngày 09/02/2021); ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1953; bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1956; bà Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm 1958.

Ông Nguyễn G mất ngày 09/02/2021, không để lại di chúc, không chỉ định ai là người giám hộ cho cháu Nguyễn Như Thiện N. Ông Nguyễn G và bà Triệu Thị Thanh Thủy không có đăng ký kết hôn. Ngày 26/05/2015, UBND phường TC đã ban hành Quyết định số 88/QĐ - UBND công nhận ông Nguyễn G là cha của cháu N. Do vậy, HĐXX xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn G là cháu Nguyễn Như Thiện N, sinh ngày 04/12/2014.

Ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ngọc V là các em ruột của ông Nguyễn G, là người thân thích của ông Nguyễn G; hiện đang chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Như Thiện N nên theo quy định tại khoản 3 Điều 102; khoản 2 Điều 101; Điều 92 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ngọc V đủ tư cách khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải - bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[III]. Về nội dung:

[1]. Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Cháu Nguyễn Như Thiện N, sinh ngày 04/12/2014 tại Bệnh viện Quốc tế G. Thời điểm cháu N được sinh ra, ông G không đăng ký kết hôn với ai, vì muốn tiến hành đăng ký khai sinh cho cháu N, ông G đã nhờ bà Triệu Thị Thanh T tiến hành đứng tên trên các giấy tờ hồ sơ như sổ khám thai, hồ sơ sinh nở, giấy chứng sinh tại Bệnh viện Quốc tế G, làm cơ sở để thực hiện việc đăng ký và đứng tên là mẹ cho cháu Nguyễn Như Thiện N trên giấy khai sinh.

Ngày 26/05/2015, UBND phường TV đã cấp Giấy khai sinh số 177/2015, quyển số 01/2015 cho cháu Nguyễn Như Thiện N, sinh ngày 04/12/2014. Cùng ngày, UBND phường TC ban hành Quyết định số 88/QĐ - UBND công nhận ông Nguyễn G là cha của cháu N.

Ngày 09/02/2021, ông G mất không để lại di chúc, không chỉ định ai làm người đại diện cho cháu N đến khi cháu trưởng thành.

Ngày 30/03/2021, gia đình ông Nguyễn G đã lập biên bản họp với bà Triệu Thị Thanh T có xác nhận của tổ dân phố và chính quyền địa phương: thống nhất quan điểm việc nuôi dưỡng cháu N cần người có quan hệ ruột thịt trong gia đình đứng ra là người giám hộ cho cháu. Ông H và bà L đã thống nhất cử bà Nguyễn Thị Ngọc V là người giám hộ cho cháu N vì bà V đã cùng ông G chăm sóc cho cháu N từ khi sinh ra cho đến nay. Tại biên bản, bà Triệu Thị Thanh T xác định bà và ông G không có đăng ký kết hôn, ông G là bố đẻ của cháu N, thừa nhận bà không phải là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Như Thiện N, được ông G đồng ý cho đứng tên mẹ cháu N trên giấy khai sinh. Tuy nhiên, bà T không đồng ý việc cử ai làm giám hộ cho cháu N.

Ông H, bà L và bà V thấy việc bà T đứng tên mẹ cháu N trên giấy khai sinh là không phù hợp và sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của cháu N được hưởng các chế độ cũng như hưởng toàn bộ di sản thừa kế của ông Nguyễn G để lại. Nên đề nghị Tòa án xét xử: Xác định bà Triệu Thị Thanh T không có

quan hệ mẹ - con với cháu Nguyễn Như Thiện N; Tuyên bố bà Triệu Thị Thanh Thủy không phải là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Như Thiện N. Yêu cầu cơ quan chức năng có thẩm quyền thực hiện việc cải chính thông tin trên Giấy khai sinh số 177/2015, quyển số 01/2015, do UBND phường TC cấp ngày 26/05/2015 cho cháu Nguyễn Như Thiện N, cụ thể: xóa thông tin bà Triệu Thị Thanh T trong giấy khai sinh này. Để từ đó, gia đình có thể cử người giám hộ cho cháu Nguyễn Như Thiện N, bảo đảm cháu N được hưởng đầy đủ quyền lợi hợp pháp mà cháu xứng đáng được hưởng.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, quá trình giải quyết tại Toà án, thời gian đầu bị đơn bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện vì cho rằng mặc dù ông G và bà không có đăng ký kết hôn, nhưng có cưới theo phong tục cổ truyền, bà có sinh sống tại nhà của ông G nên là hôn nhân thực tế. Sau đó, do giận ông nên bà mới dọn về nhà ở không chung sống với ông G nữa. Bà thừa nhận cháu N là con đẻ của ông Nguyễn G. Bà thừa nhận bà và ông G không có con chung, quá trình chung sống bà không mang thai, không sinh ra cháu N, không phải là mẹ đẻ của cháu N. Tuy nhiên, bà T không có chứng cứ chứng minh về việc nhận cháu N làm con nuôi, không có chứng cứ về việc nhờ người mang thai hộ.

Qua xác minh với công an phụ trách khu vực, bà T có đăng ký tạm trú tại nhà ông G từ tháng 11 năm 2019 đến tháng 5/2020 phù hợp với ý kiến trình bày của các đương sự về việc bà T đã ra khỏi nhà ông G không còn chung sống trước khi ông G mất.

[3] Ngày 12/07/2021, Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 276/2021/QĐ – TCGĐ tại Viện Công nghệ ADN và phân tích di truyền yêu cầu bà Triệu Thị Thanh T và cháu Nguyễn Như Thiện N lấy mẫu giám định ADN nhưng bà T từ chối và cho rằng việc giám định ADN là không cần thiết.

[4] Tại Toà án - bà T thừa nhận chữ ký tại Giấy chứng sinh số 81 ngày 04/12/2014 tại Bệnh viện Quốc Tế G (Hải Phòng) không phải chữ ký của bà phù hợp với Kết luận giám định số 38/KL-KTHS ngày 30/03/2022 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công An; kết luận: *“Chữ ký, chữ viết đứng tên Triệu Thị Thanh T dưới mục “Cha, mẹ, NDD” trên mẫu cần giám định Giấy chứng sinh số 81 quyển số 01 ngày 04/12/2014 (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Triệu Thị Thanh T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 không phải do cùng một người ký và viết ra”*.

[5] Ngày 27/05/2022, bà T xuất trình cho Toà án Kết quả xét nghiệm ADN (bản gốc) số 22663GL/ADN ngày 26/05/2022 của Viện Công nghệ ADN và phân tích di truyền, giữa bà Triệu Thị Thanh T và cháu Nguyễn Như Thiện N kết luận: *“Triệu Thị Thanh T không có quan hệ huyết thống mẹ - con với Nguyễn Như Thiện N”*; Bà trình bày đồng ý chấp nhận với mọi yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, tự nguyện rút tên của bà ở mục thông tin người mẹ tại Giấy khai sinh số 177/2015, quyển số 01/2015, do UBND phường TC cấp ngày 26/05/2015 cho cháu Nguyễn Như Thiện N.

Mặc dù, việc giám định ADN không được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật (do xét nghiệm theo yêu cầu cá nhân, tự thu thập mẫu) nhưng đây là một trong những tài liệu cần tham khảo.

[6] Xét thấy, tại phiên toà hôm nay, qua quá trình thẩm vấn và tranh luận tại phiên toà, các bên đương sự đều thừa nhận ông Nguyễn G là bố đẻ của cháu Thiện N. Ông G và bà Triệu Thị Thanh T không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông G và bà T không có con chung, bà T không mang thai, không sinh cháu Nguyễn Như Thiện N, không phải mẹ đẻ của cháu N; Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định đây là những tình tiết, chứng cứ không phải chứng minh.

Căn cứ Kết quả xét nghiệm ADN số 22663GL/ADN ngày 26/05/2022 của Viện Công nghệ ADN và phân tích di truyền, giữa bà Triệu Thị Thanh T và cháu Nguyễn Như Thiện N đã kết luận: *“Triệu Thị Thanh T không có quan hệ huyết thống mẹ - con với Nguyễn Như Thiện N”*.

Tại phiên toà, các đương sự đã thoả thuận thống nhất về toàn bộ các nội dung liên quan đến vụ án, không có tranh chấp gì. Bà T tự nguyện rút tên của bà (Triệu Thị Thanh T) ở mục thông tin người mẹ tại Giấy khai sinh số 177/2015, quyền số 01/2015, do UBND phường TC cấp ngày 26/05/2015 cho cháu Nguyễn Như Thiện N. Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX thấy cần ghi nhận sự thoả thuận thống nhất này của các đương sự;

Căn cứ Điều 88, 89; 92; khoản 2 Điều 101 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

- Xác định bà Triệu Thị Thanh T không có quan hệ mẹ - con với cháu Nguyễn Như Thiện N”;

- Tuyên bố bà Triệu Thị Thanh T, sinh ngày: 18/05/1972. Căn cước công dân số 001172030496, cấp ngày 18/03/2022; Nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Có hộ khẩu thường trú và ở tại: số 35 ngõ 5 LH, phường TC, quận BD, thành phố Hà Nội; không phải là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Như Thiện N, sinh ngày 04/12/2014, có số định danh cá nhân 001214032698; Có hộ khẩu thường trú và ở tại: số nhà 11 ngõ 46 QN, tổ 1, phường QN, quận CG, thành phố Hà Nội.

[7] Về giám hộ: Thực tế, cháu Nguyễn Như Thiện N từ nhỏ đã được bà Nguyễn Thị Ngọc V chăm sóc nuôi dưỡng tại số nhà 11 ngõ 46 QN, tổ 1 phường QN, quận CG, thành phố Hà Nội; Hiện cháu N đã trên 07 tuổi, đang ở với bà V và cùng có nguyện vọng được ở với bà V. Ông H, bà L cũng thống nhất cử bà V làm người giám hộ cho cháu N. Để đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc không làm xáo trộn đến việc học tập cũng như phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần cho cháu N; Căn cứ vào các Điều 21; 46; 47; 48; 49; 52; 53; 54; 55; 58 Bộ Luật Dân sự năm 2015; HĐXX thấy cần phía chỉ định bà Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm: 1958, căn cước công dân số 031158005323; nơi cấp: cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; ngày cấp: 28/01/2019; là người giám hộ cho cháu Nguyễn Như Thiện N, sinh ngày 04/12/2014, có số định danh cá nhân 001214032698; Có hộ khẩu thường trú và ở tại: Số nhà 11 ngõ 46 QN, tổ 1, phường QN, quận CG, thành phố Hà Nội. Giao cháu N cho bà Nguyễn Thị Ngọc V tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N trưởng thành (trên 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Bà Nguyễn Thị Ngọc V có trách nhiệm liên hệ Uỷ ban nhân dân phường TC và các cơ quan chức năng thực hiện việc cải chính thông tin trên Giấy khai sinh số 177/2015, quyền số 01/2015, do UBND phường TC cấp ngày 26/05/2015.

[IV]. Về án phí: Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc “yêu cầu xác định cha mẹ cho con” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn được hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

[V]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[VI] Đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận;

Vì các nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

- Điều 88, 89; 92; khoản 2 Điều 101 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 21; 46; 47; 48; 49; 52; 53; 54; 55; 58 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 4 Điều 28; khoản 10 Điều 29; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

- Thông tư số 04/2020/TT - BTP ngày 28/05/2020 của Bộ Tư Pháp;

- Nghị định 123/2015/NĐ – CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;

- Luật hộ tịch ngày 20/11/2014;

- điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc: “Xác định bà Triệu Thị Thanh T không có quan hệ mẹ - con với cháu Nguyễn Như Thiện N”;

2. Tuyên bố bà Triệu Thị Thanh T, sinh ngày: 18/05/1972; căn cước công dân số 001172030496, cấp ngày 18/03/2022; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; có hộ khẩu thường trú và ở tại số 35 ngõ 5 LH, phường TC, quận BD, thành phố Hà Nội; không phải là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Như Thiện N, sinh ngày 04/12/2014; có số định danh cá nhân 001214032698; có hộ khẩu thường trú và ở tại số nhà 11 ngõ 46 QN, tổ 1, phường QN, quận CG, thành phố Hà Nội.

3. Chỉ định bà Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm: 1958, căn cước công dân số 031158005323; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; ngày cấp: 28/01/2019; Hộ khẩu thường trú tại: Xóm 7 thôn KH, xã V Canh, huyện HD, thành phố Hà Nội. Hiện ở tại: Số nhà 11 ngõ 46 QN, tổ 1, phường TH, quận CG, thành phố Hà Nội; là người giám hộ cho cháu Nguyễn Như Thiện N, sinh ngày 04/12/2014, có số định danh cá nhân 001214032698; Có hộ khẩu thường trú và ở tại: Số nhà 11 ngõ 46 QN, tổ 1, phường QN, quận CG, thành phố Hà Nội. Giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu N trưởng thành (tròn 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc V có trách nhiệm liên hệ Ủy ban nhân dân phường TC và các cơ quan chức năng thực hiện việc cải chính thông tin trên Giấy khai

sinh số 177/2015, quyền số 01/2015, do UBND phường TC cấp ngày 26/05/2015 theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0067144 ngày 28/05/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các bên đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- UBND p. TC, quận BD, Tp. Hà Nội
- Chi cục thi hành án DS quận BD
- Tòa án NDTP Hà Nội
- VKSND TP Hà Nội
- Lưu hồ sơ, văn phòng

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Phương